

Bản án số: 12/2024/HS-ST
Ngày: 04 - 6 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Quang Toán và ông Nguyễn Đức Nhâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Không Thị Thuy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm - Trụ sở Toà án nhân dân huyện Na Hang; điểm cầu thành phần - Trại tạm giam **Công an tỉnh T**; Trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng xét xử công khai trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 06/2024/TLST-HS, ngày 17 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-HS, ngày 21/5/2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Ban Thị Đ**, sinh ngày 02/11/1992 tại **huyện B, tỉnh Hà Giang**. Trú tại: **xóm K, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng**; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ đoàn thể, đảng phái: Đảng viên **Đ1** (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo quyết định số 18-QĐ/UBKTHU, ngày 16/4/2024 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy **huyện B, tỉnh Cao Bằng**); dân tộc: Sán Chỉ; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; bố đẻ: **Ban Văn C** (đã chết); mẹ đẻ: **Trần Thị N**, sinh năm 1960; chồng: **Đặng Văn L**, sinh năm 1987; con: có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2023;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Họ và tên: **Bàn Văn B**, sinh ngày 20/8/1995 tại **huyện B, tỉnh Cao Bằng**. Trú tại: **xóm L, xã Y, huyện B, tỉnh Cao Bằng**; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Sán Chỉ; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; bố đẻ: **Bàn Văn T**, sinh năm 1977; mẹ đẻ: **Bàn Thị T1**,

sinh năm 1977; vợ: **Sâm Thị P**, sinh năm 1994; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018;

- Tiền án: Ngày 20/4/2022 bị Toà án nhân dân Thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 01 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (Bản án số 36/2022/HS-ST); chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/12/2022.

- Tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/01/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh T**. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 16/01/2024, **Ban Thị Đ** một mình đi đến **thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng** tìm mua ma túy, loại Heroine để bán cho người nghiện kiếm lời. Tại khu vực **Trung tâm y tế huyện B**, **Đ** gặp một người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ, trông giống người nghiện ma túy, **Đ** hỏi người đàn ông mua Heroine với số tiền 800.000 đồng. Người đàn ông cầm tiền và bảo **Đ** đứng chờ, khoảng 10 phút sau người này quay lại đưa cho **Đ** 01 gói được bọc bằng túi nilon màu xanh, bên trong là Heroine. Đầy cất số **H** vừa mua vào trong túi áo đang mặc rồi đi về nhà.

Khoảng 11 giờ ngày 17/01/2024, **Bản Văn B** (là người thường xuyên sử dụng chất ma túy) đi đến nhà **Ban Thị Đ** hỏi mua ma túy để sử dụng. Tại khu vực gian bếp nhà **Đ**, **B** hỏi mua Heroine với số tiền 300.000 đồng, **Đ** cầm tiền và đi ra ngoài cửa nhà mở gói **H** mua hôm trước lấy một ít Heroine cho vào vào túi nilon màu hồng để bán cho **B**. Số Heroine còn lại, **Đ** chia thành 13 gói nhỏ được gói bằng giấy trắng có in chữ và cất trong túi áo đang mặc. Sau khi mua được Heroine, **B** đi ra khỏi nhà **Đ** đến chỗ vắng người, lấy một ít Heroine sử dụng bằng hình thức tiêm chích vào cơ thể, số Heroine còn lại **B** gói như cũ, cất vào túi quần bên trái phía trước đang mặc và đi nhờ xe của người qua đường sang **xã T, huyện N** chơi. Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày, **B** đi đến thôn Bản Vịt, **xã T, huyện N** thì xuống xe ngồi nghỉ ở đường, lúc này **B** gặp tổ công tác **Công an huyện N** kiểm tra, phát hiện trong túi quần bên trái phía trước của **B** có 01 gói Heroine gói bằng túi nilon màu hồng nên đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng. Tại Cơ quan điều tra, **B** khai nhận gói nhỏ thu giữ là **H**, **B** mua của **Ban Thị Đ** và tàng trữ để sử dụng.

Ngày 18/01/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện N**, tỉnh Tuyên Quang thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp người và chỗ ở đối với **Ban Thị Đ** tại **xóm K, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng**. Quá trình khám xét **Đ** đã tự nguyện giao nộp 13 gói nhỏ được gói bằng giấy trắng có in chữ, bên trong đều là Heroine. Tại Cơ quan điều tra, **Ban Thị Đ** khai nhận số Heroine tạm giữ trong quá trình khám xét **Đ** tàng trữ để bán lẻ cho người nghiện.

Kết quả xét nghiệm tìm chất ma túy ngày 17/01/2024 đối với **Bàn Văn B**: (+) Dương tính với **H**. Kết quả xét nghiệm tìm chất ma túy ngày 18/01/2024 đối với **Ban Thị Đ**: (-) Âm tính với **H**.

Tại Kết luận giám định số 198/KL-KTHS ngày 22/01/2024 của **Phòng K Công an tỉnh T**, kết luận: Mẫu vật gửi giám định (tạm giữ của **Bàn Văn B**) là chất ma ma túy, loại Heroine, có tên khoa học là **D**, được quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất; khối lượng 0,222g (*không thấy hai hai hai gam*).

Tại Kết luận giám định số 203/KL-KTHS ngày 22/01/2024 của **Phòng K Công an tỉnh T**, kết luận: Mẫu vật gửi giám định (tạm giữ của **Ban Thị Đ**) là chất ma ma túy, loại Heroine, có tên khoa học là **D**, được quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất; khối lượng 0,414g (*không thấy bốn một bốn gam*).

Cáo trạng số 09/CT-VKSNH, ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo **Ban Thị Đ** về tội Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; bị cáo **Bàn Văn B** về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo **Ban Thị Đ**; **Bàn Văn B** về tội danh, điều luật như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo **Ban Thị Đ**.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo **Bàn Văn B**.

- Tuyên bố:

- Bị cáo **Ban Thị Đ** phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

- Bị cáo **Bàn Văn B** phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

- Xử phạt bị cáo **Ban Thị Đ** từ 02 (*hai*) năm đến 02 (*hai*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo **Bàn Văn B** từ 01 (*một*) năm 03 (*ba*) tháng đến 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 17/01/2024.

- Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

- Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 02 phong bì niêm phong có đóng dấu giáp lai của Phòng K Công an tỉnh T, bên trong là chất ma túy, loại Heroine; tịch thu sung công quỹ Nhà nước của Ban Thị Đ số tiền 300.000 đồng.

- Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo; áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự để tuyên quyền kháng cáo đối với các bị cáo.

Các bị cáo không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử cho được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản vi phạm hành chính, biên bản khám xét khẩn cấp cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, từ chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận: Đối với Ban Thị Đ: Khoảng 11 giờ ngày 17/01/2024 tại xóm K, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng, Ban Thị Đ đã có hành vi bán trái phép 01 gói ma túy, loại Heroine cho Bàn Văn B với số tiền 300.000 đồng có khối lượng còn lại sau khi Bàn Văn B đã sử dụng một phần là 0,222g (*không thấy hai hai hai gam*); Ban Thị Đ còn có hành vi tàng trữ trái phép 0,414g (*không thấy bốn một bốn gam*) Heroine, mục đích để bán kiếm lời.

Đối với Bàn Văn B: Hồi 15 giờ 30 phút ngày 17/01/2024, tại thôn Bản Vịt, xã T, huyện N, Bàn Văn B đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,222g (*không thấy hai hai hai gam*) Heroine, mục đích tàng trữ để sử dụng.

Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, hành vi của các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang truy tố bị cáo Ban Thị Đ về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Bàn Văn B về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội, đồng thời còn là nguyên nhân làm lan truyền tệ nạn ma túy và phát sinh nhiều tệ nạn xã hội khác, cũng như ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Các bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có đủ

nhận thức về tác hại của ma túy, đồng thời nhận thức việc mua bán và tàng trữ trái phép chất ma túy bị pháp luật xử lý nghiêm khắc nhưng vì mục đích lợi nhuận và thoả mãn cơn nghiện cho bản thân các bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên cũng cần xem xét cho bị cáo **Ban Thị Đ** đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lời bất chính từ việc bán ma túy cho **Bàn Văn B**, hiện nay bị cáo đang nuôi 02 con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Đối với bị cáo **Bàn Văn B** có 01 tiền án chưa được xóa án tích nhưng vẫn tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý, lần phạm tội này là tái phạm. Do vậy, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tù nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong toàn xã hội.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo **Bàn Văn B** phạm tội thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo **Ban Thị Đ** không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy rằng các bị cáo là lao động tự do không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Về vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện N** đã thu giữ: 01 bì niêm phong các mép dán kín, bên ngoài mặt trước bì ghi “*Tang vật vụ Ban Thị Đ, giám định ngày 18/01/2024*”, mặt sau trên các mép dán có chữ ký giáp lai của **Ban Thị Đ**, thành phần tham gia niêm phong và 05 hình dấu của giáp lai của Phòng KTHS **Công an tỉnh T**. Bên trong chứa 0,414g Heroine (đã lấy 0,05g để giám định, còn 0,364g); 01 bì niêm phong các mép dán kín, bên ngoài mặt trước bì ghi “*Tang vật vụ Bàn Văn B, giám định ngày 18/01/2024*”, mặt sau trên các mép dán có chữ ký giáp lai của **Bàn Văn B**, thành phần tham gia niêm phong và 05 hình dấu của giáp lai của Phòng KTHS **Công an tỉnh T**. Bên trong chứa 0,222 Heroine (đã lấy 0,05g để giám định, còn 0,172g). Thấy rằng chất ma túy thu giữ là vật chứng của vụ án, đồng thời chất ma túy thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành, nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do **Ban Thị Đ** tự nguyện giao nộp, xét thấy đây là số tiền thu lời bất chính từ việc mua bán trái phép ma túy mà có nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo **Ban Thị Đ** và **Bàn Văn B** là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo **Đ**, **B** thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên **Công an huyện N**; Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Các nội dung khác:

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo **Bàn Văn B**, ngày 17/01/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện N** đã chuyển tài liệu có liên quan đến **Công an huyện N** để xử lý hành chính theo thẩm quyền, bằng hình thức phạt tiền;

Đối với người đàn ông đã bán trái phép chất ma túy cho **Ban Thị Đ** tại khu vực **thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng**, quá trình điều tra không xác định được tên, địa chỉ, nên không có căn cứ để điều tra, xử lý;

Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ:

- Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo **Ban Thị Đ**.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo **Bàn Văn B**.

- Tuyên bố:

+ Bị cáo **Ban Thị Đ** phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

+ Bị cáo **Bàn Văn B** phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

- Xử phạt:

+ Bị cáo **Ban Thị Đ** **02 (hai)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

+ Bị cáo **Bàn Văn B 01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 17/01/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu huỷ 0,364g (*không thấy ba sáu tư gam*) Heroine (là đối tượng giám định hoàn lại) được niêm phong trong bì niêm phong, mặt sau trên các mép dán có chữ ký giáp lai của **Ban Thị Đ**, thành phần tham gia niêm phong và 05 hình dấu giáp lai của **Phòng K Công an tỉnh T**;

- Tịch thu tiêu huỷ 0,172g (*không thấy một bảy hai gam*) Heroine (là đối tượng giám định hoàn lại) được niêm phong trong bì niêm phong, mặt sau trên các mép dán có chữ ký giáp lai của **Bàn Văn B**, thành phần tham gia niêm phong và 05 hình dấu giáp lai của **Phòng K Công an tỉnh T**;

(*Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện N với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang ngày 23/4/2024*).

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*).

Số tiền tịch thu của bị cáo đã được Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an huyện N** chuyển vào tài khoản số 3949.0.1065086.00000 là tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện Na Hang mở tại kho bạc Nhà nước **huyện N**.

3. Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo **Ban Thị Đ**, **Bàn Văn B** thuộc trường hợp được miễn án phí hình sự sơ thẩm nên không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

4. Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các bị cáo **Ban Thị Đ**, **Bàn Văn B** được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

N2

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- CQĐT Công an huyện Na Hang;
- Chi cục T.H.A DS huyện Na Hang;
- Bị cáo;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Quỳnh

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
PHIÊN TOÀ**

Triệu Thị Hà Vũ Thị Toan

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ

Phạm Thị Quỳnh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng;
- CQCSĐT Công an huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Sở Tư pháp Tuyên Quang;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Q

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Triệu Thị Hà Vũ Thị Toan

Phạm Thị Quỳnh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng;
- CQCSĐT Công an huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Sở Tư pháp Tuyên Quang;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Thị Q

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng;
- CQCSĐT Công an huyện Yên Sơn;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- Sở Tư pháp Tuyên Quang;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Thủy

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TOÀ**

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN

Đặng Thị Huệ – Phạm Văn Ninh

Nguyễn Xuân Thủy